

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89/2021/HC-PT**

Ngày: 20 - 01 - 2021

“V/v Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông
Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân;
Ông Trần Quốc Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Ba, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 53/2020/TLPT-HC ngày 27 tháng 10 năm 2020, về việc “*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2020/HC-ST ngày 17 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 571/2021/QĐ-HC ngày 08-01-2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Nhật K, địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phạm Công H, địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện K.

2.2. Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện K. Vắng mặt.

Địa chỉ: huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Bà Ngô Thị Minh T, chức vụ: Phó Chủ tịch. Có Đơn xin hoãn phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Xuân L, chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường. Có Đơn xin hoãn phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã K;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hải S, Chủ tịch UBND xã K. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Chợ, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Quang T, chức vụ: Cán bộ Tư pháp xã. Vắng mặt.

2. Bà Hồ Thị H, sinh năm 1943, địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3. Ông Phạm Tuấn H, địa chỉ: tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

4. Ông Phạm Tuấn H, địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

5. Bà Phạm Thị H, địa chỉ: Thôn 3. xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện Ông Phạm Nhật K và người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Nhật K trình bày:

Thửa đất số 155, tờ bản đồ số 10, diện tích 46.400m² tại thôn 14, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông K vào năm 2000. Diện tích đất trên thuộc diện tích đất của Nông trường 720 khai hoang trước đây. Trong quá trình sử dụng không hiệu quả nên ông K đã làm việc với Giám đốc Nông trường 720 để chia diện tích đất này cho các hộ dân ở Nghệ An vào lập nghiệp (có xác nhận của cán bộ Nông trường 720). Trong số 31 ha chia cho các hộ dân thì có khoảng gần 5ha đất các hộ canh tác không hiệu quả nên bỏ hoang. Thấy đất bị bỏ hoang ông K đã làm việc với Ban tự quản thôn 14 để sử dụng phần đất này. Năm 2000, Hộ ông Phạm Nhật K được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R510117 tại thửa đất số 155, tờ bản đồ số 10, diện tích 46.400m² tọa lại tại thôn 14, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau này ông Nguyễn Văn T là cán bộ địa chính xã K có mượn Giấy chứng nhận đã cấp để kiểm tra nhưng không trả lại cho ông K. Ông K có liên hệ anh T để nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng anh T đã chuyển công tác

khác. Anh T có viết giấy đề nghị anh V (là cán bộ địa chính xã K) tìm và trả lại. Sau nhiều lần liên hệ để nhận bìa đồ thì Ông K được UBND xã K trả lời là đã tham mưu cho UBND huyện thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R510117, theo Quyết định số 1251/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của UBND huyện K. Không đồng ý với việc trả lời của UBND xã cũng như Quyết định số 1251/2002/QĐ-UB của UBND huyện K nên rất nhiều lần ông K đã kiến nghị và khiếu nại đến cấp có thẩm quyền. Đến ngày 02/01/2019, UBND huyện K ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND *“Về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Nhật K”*. Theo Quyết định giải quyết khiếu nại này thì Chủ tịch UBND huyện K không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Phạm Nhật K.

Ông Phạm Nhật K yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết vấn đề sau:

Hủy Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của ủy ban nhân dân huyện K về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Nhật K;

Hủy Quyết định số 1251/QĐ -UB ngày 21/11/2002 của ủy ban nhân dân huyện K về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R510117; đồng thời khắc phục hậu quả do hành vi hành chính của mình gây ra, trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R510117, thửa đất số 155, tờ bản đồ số 10, diện tích 46.400m² tại thôn 14, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho hộ ông Phạm Nhật K.

2. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R510117, thửa đất số 155, tờ bản đồ số 10, diện tích 46.400m² cấp cho ông Phạm Nhật K: Sau khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R510117, thửa đất số 155, tờ bản đồ số 10, diện tích 46.400m² cho ông Phạm Nhật K thì UBND xã K phát hiện việc xét duyệt và đề nghị UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Nhật K là không đúng với quy định của pháp luật nên UBND xã đã trình UBND huyện thu hồi. Căn cứ đơn xin chỉnh sửa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Nhật K và đề nghị của UBND xã K ngày 21/11/2002 (hiện nay đơn đã thất lạc), Phòng Nông nghiệp địa chính huyện trình UBND huyện ban hành Quyết định số 1251/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của UBND huyện K về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông K.

Về việc ban hành Quyết định số 1251/2002/QĐ-UB về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R510117, thửa đất Số 155, tờ bản đồ Số 10, diện tích 46.400m², mục đích sử dụng rừng trồng của ông Phạm Nhật K:

Nguồn gốc đất do Nông trường 720 bàn giao về cho địa phương quản lý, trong đó có thửa 155, tờ bản đồ số 10, diện tích 46.400 m². Tập thể nhân dân thôn 14 và Hội người cao tuổi thôn 14 làm đơn gửi UBND xã K xin 02ha tại lô 3 để quy hoạch làm nghĩa địa, được UBND xã K thống nhất. Do vậy, phần diện tích

đất này là quỹ đất để sử dụng xây dựng công cộng phục vụ cho các nhu cầu công ích của địa phương được quy định tại Điều 45 Luật Đất đai năm 1993 và Điều 4, Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai.

Việc đại diện hội người cao tuổi thôn 14 và đại diện Ban tự quản thôn 14, xã K hợp đồng cho ông Phạm Nhật K thuê đất là không đúng thẩm quyền cho thuê đất, trái với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 24 Luật Đất đai năm 1993.

Phần diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ của ông Phạm Nhật K là diện tích đất thuê của hội người cao tuổi thôn 14 và Ban tự quản thôn 14, xã K vì vậy hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã K xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Nhật K là không đúng với quy định của pháp luật, không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại thời điểm ban hành Quyết định số 1251/2002/QĐ-UB, ngày 21/11/2002 của UBND huyện K, trong các quy định của Luật Đất đai năm 1993, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 02/12/1998, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 29/6/2001 và các văn bản hướng dẫn khác chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận do cấp sai. Tuy nhiên, xét vào tình hình thực tế tại địa phương và trường hợp cụ thể của hộ ông Phạm Nhật K tại thời điểm ban hành Quyết định số 1251/2002/QĐ-UB của UBND huyện K là đúng trình tự, thủ tục.

Về việc ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Nhật K trú tại thôn 3, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk:

UBND huyện K nhận được đơn khiếu nại của ông Phạm Nhật K về việc Khiếu nại Quyết định số 1251/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của UBND huyện K về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng với quy định của pháp luật làm xâm hại trực tiếp đến quyền lợi và lợi ích của gia đình ông. Sau khi tiếp nhận đơn, UBND huyện K đã tiến hành giải quyết theo đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Ngày 02/01/2019, UBND huyện K ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 04/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông K với nội dung không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông.

Đối với yêu cầu của ông Phạm Nhật K, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã K trình bày:

Về nguồn gốc: Năm 1991 diện tích đất đang tranh chấp do Nông trường 720 khai hoang; tuy nhiên trong quá trình sử dụng không hiệu quả nên Nông

trường 720 bản giao về cho địa phương quản lý trong đó có thửa đất số 155, tờ bản đồ số 10, diện tích 46.400m². Ngày 12/02/1997 ông Phạm Nhật K nhận hợp đồng với Hội người cao tuổi và Ban tự quản thôn 14 với thời hạn hợp đồng là 30 năm. Trong thời gian hợp đồng ông K trồng được một diện tích nhỏ cây bạch đàn được vài năm phá cây trồng tre lấy măng và chỉ được 01 năm ông K phá tre và cho nhiều người dân ở huyện E thuê lại trồng hoa màu. Việc ông K đã đăng ký và kê khai và làm thủ tục cấp GCNQSDĐ là không đúng. Quan điểm của UBND xã Krông Buk không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Nhật K, đề nghị TAND tỉnh Đắk Lắk giải quyết theo quy định của pháp luật

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H, ông Phạm Tuấn H, ông Phạm Tuấn H, bà Phạm Thị H trình bày: Điều thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Nhật K và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K. Vì điều kiện sức khỏe và công việc nên những người trên đều xin được giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án số 32/2020/HC-ST Ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; khoản 1 Điều 206; khoản 1 Điều 358 của Luật Tổ tụng hành chính 2015; Điều 36 của Luật đất đai năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 1998 và năm 2001; khoản 1 Điều 18 của Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khiếu nại; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Nhật K về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 04/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk và Quyết định thu hồi đất số 1251/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đồng thời khắc phục hậu quả do hành vi hành chính của mình gây ra, trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R510117, thửa đất số 155, tờ bản đồ số 10, diện tích 46.400m² tại thôn 14, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho gia đình ông.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định tại chỗ, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/10/2020 người khởi kiện ông Phạm Nhật K kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận nội dung khởi kiện của ông.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Phạm Nhật K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện; đồng thời trình bày cho rằng:

Thửa đất số 155, tờ bản đồ số 10, diện tích 46.400m² tại thôn 14, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông K vào năm 2000, có nguồn gốc thuộc đất của Nông trường 720 khai hoang trước đây. Thấy đất bị bỏ hoang ông K đã làm việc với Ban tự quản thôn 14 để sử dụng phần đất này. Ông Nguyễn Văn T là cán bộ địa chính xã K có mượn Giấy chứng nhận đã cấp để kiểm tra nhưng không trả lại cho ông K. Sau nhiều lần liên hệ để nhận bìa đồ thì Ông K được UBND xã K trả lời là đã tham mưu cho UBND huyện thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên. Không đồng ý với việc trả lời của UBND xã cũng như Quyết định số 1251/2002/QĐ-UB của UBND huyện K nên ông K đã kiến nghị và khiếu nại đến cấp có thẩm quyền. Đến ngày 02/01/2019, UBND huyện K ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND “Về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Nhật K”, không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông K.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Nhật K, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu yêu cầu khởi kiện của ông K.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Xét nguồn gốc thửa đất đang khởi kiện có nguồn gốc thuộc đất của Nông trường 720 khai hoang trước đây. Ngày 12/02/1997 ông Phạm Nhật K và đại diện Hội người cao tuổi thôn 14 xã K đã lập H đồng cho thuê đất trồng cây trên khu đất nghĩa địa thôn 14. Hai bên có thỏa thuận mức đóng góp cụ thể và thời hạn thuê là 30 năm. Năm 2000 UBND huyện có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cá nhân, hộ gia đình sử dụng đất ổn định hợp pháp nên ông K tự ý kê khai và đến ngày 21/12/2000 hộ ông Phạm Nhật K được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 510117, thửa đất số 155, tờ bản đồ số 10, diện tích 46.400m² là không đúng qui định pháp luật đất đai. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông khoan là có căn cứ. Ông K kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Nhật K, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Hội đồng xét xử đã triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ ba nhưng đại diện người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có Đơn xin hoãn phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử xét thấy việc xét xử vắng mặt người bị kiện không làm ảnh hưởng đến nội dung quyết định của bản án cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt các đương sự theo qui định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 04/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 và Quyết định thu hồi đất số 1251/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân huyện K; đồng thời khắc phục hậu quả do hành vi hành chính của mình gây ra, trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R510117 diện tích 46.400m² tại thôn 14, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho gia đình ông, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3] *Đối với nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp:* Nguyên trước đây do Nông trường cà phê 720 khoai hoang và quản lý. Năm 1990 phần diện tích trên đã bàn giao về cho chính quyền địa phương là UBND xã K, huyện K quản lý. Quá trình bàn giao đã hoàn tất và không phát sinh tranh chấp. Đến tháng 01/1997, tập thể nhân dân thôn 14, xã K, huyện K làm đơn xin UBND xã Krông Buk một phần diện tích đất để làm khu nghĩa địa cho thôn. Ngày 25/01/1997 UBND xã xác nhận (bút lục số 69): “trích 02ha đất trên để làm nghĩa địa cho thôn, UBND xã giao cho thôn trồng cây chắn gió và sắp xếp bố trí chôn cất cho có kế hoạch. Tuyệt đối không được dùng vào mục đích khác” và giao cho Hội người cao tuổi thôn 14, xã K quản lý. Ngày 12/02/1997 ông Phạm Nhật K và đại diện Hội người cao tuổi thôn 14 xã K đã lập H đồng trồng cây trên khu đất nghĩa địa thôn 14, ông K được trồng cây xanh, cây ăn quả che bóng, cải tạo cảnh quan môi trường theo quy hoạch của Hội. Hai bên có thỏa thuận mức đóng góp cụ thể và thời hạn thuê là 30 năm. Năm 2000 UBND huyện có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cá nhân, hộ gia đình sử dụng đất ổn định hợp pháp nên ông K tự ý kê khai và đến ngày 21/12/2000 hộ ông Phạm Nhật K được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R510117, thửa đất số 155, tờ bản đồ số 10, diện tích 46.400m².

[4] Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Phạm Nhật K về việc khiếu nại Quyết định thu hồi đất số 1251/QĐ-UB ngày 21/11/2002, UBND huyện K đã phân công Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức phối hợp với UBND xã K tiến hành xác minh nguồn gốc đất. Ngày 18/7/2018, Phòng Tài nguyên và Môi

trường đã có Báo cáo số 618/BC-TNMT về kết quả kiểm tra, xác minh, kết luận và kiến nghị giải quyết khiếu kiện. Ngày 02/01/2019, Chủ tịch UBND huyện K đã ban hành Quyết định số 04 nêu trên là đúng thẩm quyền và đúng trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khiếu nại. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, tại thời điểm ban hành Quyết định nêu trên của UBND huyện K các qui định Luật Đất đai năm 1993, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 02/12/1998, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 29/6/2001 và các văn bản hướng dẫn chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp thu hồi giấy chứng nhận do cấp sai nhưng xét thấy việc UBND huyện đã nhận thấy do cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng nên đã ban hành quyết định thu hồi kịp thời là phù hợp. Đồng thời, sau khi ban hành quyết định, việc giao quyết định cho các đương sự và người liên quan cũng không kịp thời. Đây là thiếu sót của UBND huyện K nên cần rút kinh nghiệm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông K và không chấp nhận nội dung yêu cầu buộc UBND khắc phục hậu quả do hành vi hành chính của mình gây ra, trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nêu cho gia đình ông K là có căn cứ.

[5] Đối với nội dung kháng cáo về yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 21/7/2020 của Ông Phạm Nhật K, có nội dung: *“Buộc UBND huyện K giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V496135 tại thửa đất số 155, tờ bản đồ số 10, diện tích 26.400m² do UBND huyện cấp ngày 07/01/2003, thửa đất tọa lạc tại thôn 14, xã Krông Buk, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho gia đình ông”*, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng nội dung khởi kiện bổ sung của ông K là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu trong vụ án và người khởi kiện nộp đơn khởi kiện bổ sung sau thời điểm Tòa án tiến hành thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk trả lại đơn khởi kiện bổ sung cùng các chứng cứ, tài liệu kèm theo và thông báo cho người khởi kiện ông Phạm Nhật K là phù hợp.

[6] Từ những phân tích, Hội đồng xét xử xét thấy ông Phạm Nhật K kháng cáo nhưng không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì mới để làm thay đổi quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm nên không có căn cứ chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Nhật K không được chấp nhận nên ông K phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Phạm Nhật K sinh năm 1939 là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng Điều 36 của Luật Đất đai năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 1998 và năm 2001; khoản 1 Điều 18 của Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khiếu nại; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Nhật K, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2020/HC-ST ngày 17 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Nhật K về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 04/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk và Quyết định thu hồi đất số 1251/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đồng thời khắc phục hậu quả do hành vi hành chính của mình gây ra, trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R510117, thửa đất số 155, tờ bản đồ số 10, diện tích 46.400m² tại thôn 14, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho gia đình Ông.

3. Về chi phí thẩm định tại chỗ: Ông Phạm Nhật K phải chịu 1.950.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, ông K đã nộp và chi phí xong.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Phạm Nhật K được miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông